

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **203/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-6-2026

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thung;

2. Ông Giản Phi Vân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 319/2026/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2026, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm: 1991;

Căn cước công dân số 082191002968, cấp ngày 01/5/2021;

Địa chỉ: **khu phố C, phường S, tỉnh Đồng Tháp**. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh **Phan Minh H**, sinh năm 1984;

Căn cước công dân số 082084024104, cấp ngày 05/01/2023;

Địa chỉ: **khu phố C, phường S, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn **Lê Thị N** trình bày:*

Chị và anh **H** chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2007, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp)** vào ngày 05/01/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn do anh **H** gần đây ăn chơi cờ bạc trên mạng, không lo cho gia đình, không phụ nuôi con; chị đã khuyên nhiều lần nhưng không được dẫn đến hai bên cãi nhau lớn tiếng, ảnh hưởng đến tình

thần của các con; chị và anh **H** đã ly thân từ đầu năm 2026 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Có 03 người con chung tên **Phan Minh T**, sinh ngày 16/11/2008, **Phan Minh A**, sinh ngày 08/8/2017, **Phan Minh T1**, sinh ngày 30/4/2022. Khi ly hôn chị **N** yêu cầu nuôi 03 người con chung, yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện chị đang là người trực tiếp nuôi con chung, chị làm nghề mua bán thu nhập cũng ổn định, anh **H** làm xây dựng, thu nhập cũng tương đối ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Phan Minh H** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **Phan Minh H** có nơi cư trú tại **phường S, tỉnh Đồng Tháp** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **N** xin ly hôn với anh **H**, yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị **N** và anh **H** chung sống với nhau từ tháng 10/2007, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã **B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường B, tỉnh Đồng Tháp)** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 1/2008 vào ngày 05/01/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị **N**

cho rằng quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H cờ bạc, hai bên không có tiếng nói chung, chị đã khuyên và cố gắng hàn gắn nhưng tuy nhiên anh H không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết, anh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh H không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh H không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị có thời gian ly thân để bình tĩnh suy nghĩ và hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh H.

[4.2] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 16/11/2008, Phan Minh A, sinh ngày 08/8/2017, Phan Minh T1, sinh ngày 30/4/2022. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cả 03 người con đang sống cùng với chị N, được chị chăm sóc nuôi dưỡng tốt; trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho con chung nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 03 cháu Phan Minh T, sinh ngày 16/11/2008, Phan Minh A, sinh ngày 08/8/2017, Phan Minh T1, sinh ngày 30/4/2022 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nên mức cấp dưỡng sẽ do Tòa án quyết định căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình xác định mức cấp dưỡng là bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú. Anh H cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định mức lương tối thiểu vùng ở phường S (vùng III) là 4.140.000 đồng/tháng ($\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu là 2.070.000 đồng). Như vậy anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 người con chung Phan Minh T, sinh ngày 16/11/2008, Phan Minh A, sinh ngày 08/8/2017, Phan Minh T1, sinh ngày 30/4/2022 mỗi cháu là 2.070.000 đồng/tháng đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng lần đầu được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự

được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh **H** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị N**.

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Thị N** được ly hôn với anh **Phan Minh H**.

2. Về con chung: Chị **Lê Thị N** được tiếp tục 03 người con chung tên **Phan Minh T**, sinh ngày 16/11/2008, **Phan Minh A**, sinh ngày 08/8/2017, **Phan Minh T1**, sinh ngày 30/4/2022; anh **Phan Minh H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 2.070.000 đồng/ tháng (6.210.000 đồng/03 người con/ tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị **Lê Thị N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005595 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **N** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh **Phan Minh H** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND KV2-DT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND phường Bình Xuân - DT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo